

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TUẤN MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI TUẤN MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN MINH TRANSPORT TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108847930

3. Ngày thành lập: 30/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 ngõ 4 đường Thân Nhân Trung, KĐT mới Sóc Sơn, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
4.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
6.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
7.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
8.	Khai thác quặng sắt	0710
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Kiểm định xây dựng - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; - Lập quy hoạch xây dựng - Tư vấn quản lý dự án; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
14.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
15.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
19.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
21.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
22.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
23.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
29.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
30.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
32.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
33.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Trồng lúa	0111
39.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
40.	Trồng cây mía	0114
41.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
42.	Trồng cây lấy sợi	0116
43.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
44.	Trồng cây hàng năm khác	0119
45.	Trồng cây ăn quả	0121
46.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
47.	Trồng cây điều	0123
48.	Trồng cây hồ tiêu	0124
49.	Trồng cây cao su	0125
50.	Trồng cây cà phê	0126
51.	Trồng cây chè	0127
52.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
53.	Trồng cây lâu năm khác	0129
54.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
55.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
56.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
57.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
58.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
59.	Chăn nuôi gia cầm	0146
60.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
61.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
62.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
63.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
64.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
65.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
66.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
67.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
68.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
69.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
70.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
71.	Sản xuất rượu vang	1102

72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
73.	In ấn	1811
74.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
75.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ loại Nhà nước cấm)	2011
76.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
77.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
78.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
79.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
80.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
81.	Xây dựng nhà để ở	4101
82.	Xây dựng nhà không để ở	4102
83.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
84.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
85.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
86.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
87.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
88.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
89.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
90.	Bán buôn đồ uống	4633
91.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;	4649
92.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; (Không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
93.	Bán buôn tổng hợp	4690
94.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;	4719
95.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
96.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
97.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773

98.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
100.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không)	7310
101.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm)	7320
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
103.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;	7730
104.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Khai thác lâm sản;	0231
105.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
106.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
107.	Khai thác gỗ	0220
108.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGÔ MINH ĐỨC	Số 3 ngõ 4 đường Thân Nhân Trung, KĐT mới Sóc Sơn, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	20,000	001200024535	

2	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Số 3 ngõ 4 đường Thân Nhân Trung, KĐT mới Sóc Sơn, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	7.200.000.000	80,000	012066646	
---	-----------------------------	--	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ MINH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/08/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001200024535

Ngày cấp: 18/01/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3 ngõ 4 đường Thân Nhân Trung, KĐT mới Sóc Sơn, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3 ngõ 4 đường Thân Nhân Trung, KĐT mới Sóc Sơn, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội